

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 19 tháng 8 năm 2024  
“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thế Chiến và ông Đặng Văn Sơn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhất – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số F L, tổ dân phố B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị H B N (H B N1), sinh năm 1992.

Địa chỉ: Buôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:*

Anh Tuấn tự nguyện đăng ký kết hôn với chị H B N (H B N1) vào ngày 27/02/2019 tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng sống thuận hòa hạnh phúc đến tháng 10/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường đi làm ăn xa nhà và anh T phát hiện chị H B N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh và

chị H B N đã ly thân được 06 tháng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H B N (H B N1).

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị H B N có hai con chung là Huỳnh Diệu H N2, sinh ngày 05/11/2018 và Huỳnh Uyên T N3, sinh ngày 24/10/2019. Khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Huỳnh Diệu H N2, giao con chung Huỳnh Uyên T N3 cho chị H B N trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu chị H B N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị H B N (H B N1) đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn anh Huỳnh Văn T, bị đơn chị H B N (H B N1) là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn T, xử cho ly hôn giữa anh T và chị H B N (H B N1).

Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là Huỳnh Diệu H N2, sinh ngày 05/11/2018 và Huỳnh Uyên T N3, sinh ngày 24/10/2019. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Huỳnh Diệu H N2, giao con chung Huỳnh Uyên T N3 cho chị H B N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị H B N cấp dưỡng nuôi con chung, là phù hợp cần chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn anh Huỳnh Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Huỳnh Văn T có đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn chị H B N (H B N1). Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”. Bị đơn chị H B N (H B N1) cư trú tại buôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Huỳnh Văn T có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn chị H B N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn T và chị H B N (H B N1) có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/02/2019, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường đi làm ăn xa nhà, anh T cho rằng chị H B N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và hai người đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, anh T đã cố gắng hàn gắn nhưng không níu kéo được. Nay anh T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn chị H B N (H B N1).

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, sau khi kết hôn anh T và chị H B N về chung sống tại nhà chị H B N tại buôn D, xã D, huyện K. Quá trình chung sống giữa hai bên thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, đôi lúc xô xát lẫn nhau, ban tự quản đã hòa giải để hai bên chung sống nhưng không có kết quả, họ đã sống ly thân. Về con chung anh T và chị H B có 02 con chung. Hiện nay anh T đang nuôi cháu Diệu H1, còn chị H B N nuôi cháu Uyên T1.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng quan hệ hôn nhân giữa anh Huỳnh Văn T và chị H B N đã xảy ra mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị H B N (H B N1) là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh T2 và chị H B N có hai con chung là Huỳnh Diệu H N2, sinh ngày 05/11/2018; Huỳnh Uyên T N3, sinh ngày 24/10/2019. Khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Huỳnh Diệu H N2, giao con chung Huỳnh Uyên T N3 cho chị H B N nuôi dưỡng. Hiện nay, anh T2 đang nuôi cháu Diệu H1, chị H B N đang nuôi cháu Uyên T1 nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T2 là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung chưa thành

niên. Anh T2 không yêu cầu chị H B N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có tài sản chung và không nợ ai khoản nợ nào không đề cập giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Huỳnh Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Văn T và chị H B N (H B N1).

2. Về con chung: Giao cho anh Huỳnh Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Huỳnh Diệu H N2, sinh ngày 05/11/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cho chị H B N (H B N1) được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Huỳnh Uyên T N3, sinh ngày 24/10/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Huỳnh Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 8303 ngày 28/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Dur Kmăl;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Đình Tuyên**

